ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Biểu số 99/CK-NSNN

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	**1.026.684,86**	**1.130.225,54**	**110,08%**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)**	**86.658,00**	**86.658,00**	**100,00%**
B	**CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC**	**940.026,86**	**794.584,80**	**84,53%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**405.839,86**	**271.449,98**	**66,89%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	405.839,86	252.449,98	62,20%
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*158.345,15*	*141.259,65*	*89,21%*
-	*Chi quốc phòng*	*550,00*	*154,09*	*28,02%*
-	*Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội*	*16.890,41*	*8.696,43*	*51,49%*
-	*Chi văn hóa thông tin*	*15.260,00*	*12.977,03*	*85,04%*
-	*Chi các hoạt động kinh tế*	*197.317,30*	*74.611,33*	*37,81%*
-	*Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể*	*17.310,00*	*14.584,85*	*84,26%*
-	*Chi bảo đảm xã hội*	*167,00*	*166,60*	*99,76%*
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác		19.000,00	
II	**Chi thường xuyên**	**518.412,00**	**523.134,82**	**100,91%**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	265.028,00	279.099,97	105,31%
-	Chi ứng dụng khoa học và công nghệ	100,00		
-	Chi quốc phòng	9.557,00	10.664,71	111,59%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.533,00	4.668,58	304,54%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	5.334,00	5.548,54	104,02%
-	Chi văn hóa thông tin	4.968,00	12.956,43	260,80%

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.322,00	1.215,00	91,91%
-	Chi thể dục thể thao	1.015,00	1.324,48	130,49%
-	Chi bảo vệ môi trường	33.568,00	32.260,59	96,11%
-	Chi các hoạt động kinh tế	56.862,00	63.623,39	111,89%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	51.752,00	56.969,52	110,08%
-	Chi bảo đảm xã hội	52.459,00	54.216,15	103,35%
-	Chi thường xuyên khác	16.681,00	587,47	3,52%
-	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	18.233,00		
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)**	0	0	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)**	0	0	
V	**Dự phòng ngân sách**	**15.775,00**	0	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**		**0,00**	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	0,00	**248.982,74**	